TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2022/HSST
Ngày: 12/10/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp và bà Lê Thị Kim Xuyến.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 147/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/HSST-QĐ ngày 29 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Huỳnh Tấn Đ (tên gọi khác: Đ khùng), sinh năm 1980, tại tỉnh Đồng Nai.

HKTT: ấp 1, xã Ph, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp 5, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: Thiên chúa;

Nghề nghiệp: Thu mua phế liệu; Học vấn: 2/12;

Con ông: Huỳnh Văn Ng, sinh năm: 1944 và bà Bùi Thị N, sinh năm: 1947.

Bị cáo có vợ tên: Hồ Thị Thu L, sinh năm: 1986 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21 tháng 5 năm 2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1952; địa chỉ: 41B Phước L, phường L, thành phố Th, thành phố Hồ Chí Minh

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1964, địa chỉ: khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Ông Phạm Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: khu Phước Thuận, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai

Ông Lê Diệp H, sinh năm 1993; địa chỉ:, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T và ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 2 năm 2021 đến ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại vườn tràm thuộc ấp V, xã Ph, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Huỳnh Tấn Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp 215 đoạn gỗ Tràm thì bị chủ đất là ông Nguyễn Văn L phát hiện trình báo Công an xã Ph lập hồ sơ chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: Huỳnh Tấn Đ đã nộp lại số tiền 35.000.000 đồng do bán tràm mà có; 215 đoạn gỗ tràm có đường kính từ 20cm đến 80cm, chiều dài từ 200 cm đến 600cm; 01 xe ô tô cải tiến gắn cần cẩu số 340 và 01 xe ô tô cải tiến gắn cẩu số 500k của anh Nguyễn Tuấn Th.

Ngoài ra, Huỳnh Tấn Đ tự nguyện giao nộp số tiền 50.000.000 đồng bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn L.

Xử lý vật chứng:

Đới với số tiền 35.000.000 đồng do bán tràm mà có của Huỳnh Tấn Đ đã nộp lại, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Thành N.

Đới với 215 đoạn gỗ tràm có đường kính từ 20cm đến 80cm, chiều dài từ 200 cm đến 600cm mà Đ bán cho anh Nguyễn Thành N và Phạm Văn T, anh N và anh T đã giao nộp trả lại cho bị hại Nguyễn Văn L.

Đới với 01 xe ô tô cải tiến gắn cần cẩu số 340 và 01 xe ô tô cải tiến gắn cẩu số 500k là của anh Nguyễn Tuấn Th do anh N và anh T thuê để chở tràm, Cơ quan điều tra Công an huyện N đã trả cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Tuấn Th.

Tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng Huỳnh Tấn Đ tự nguyện giao nộp đảm bảo thi hành án.

Theo Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện N thì 215 đoạn gỗ tràm các loại có tổng giá trị là 80.657.261 đồng.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, Cơ quan điều tra Công an huyện N đã ra quyết định khởi tố vụ án và Ngày 19 tháng 5 năm 2022, Cơ quan điều tra Công an huyện N đã ra quyết định khởi tố bị can đối với Huỳnh Tấn Đ để điều tra.

Quá trình điều tra Huỳnh Tấn Đ khai nhận:

Vào khoảng cuối tháng 02 năm 2021, Huỳnh Tấn Đ điện thoại cho Lê Diệp H để hỏi H có mua cây tràm không để Đ bán. Hiếu trả lời không mua lúc này Đ nhờ H hỏi hộ xem có ai mua cây tràm thì giới thiệu để Đ bán. Thì H đồng ý, Đ dẫn H đi xem vườn tràm trước. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 02/03/2021 H điện thoại

cho anh Nguyễn Thành N hỏi có mua cây tràm không để H bán thì anh N đồng ý, H dẫn anh N xuống chợ xã Ph, huyện N để xem vườn tràm thực tế anh N cùng đi với Phạm Văn T là người buôn tràm cùng với anh N. Khi anh N và anh T đi gần đến xã Ph, huyện N thì N gọi điện toại cho H, H hẹn N và T ở chợ xã Ph, khi đến nơi thì H đi cùng với Huỳnh Tấn Đ và một người tên L là bạn của H chưa rõ nhân thân, rồi tất cả đi đến vườn tràm tại ấp V, xã Ph, huyện N. Khi anh T và anh N hỏi vườn này của ai thì Đ trả lời do Đ bán đất cho ông Nguyễn Văn L là chủ đất và vườn tràm nên chủ đất cho phép Đ bán số cây tràm trên đất. H, Đ tiếp tục đưa anh N và anh T đi xem một vườn tràm khác tại xã V, sau đó, tất cả về nhà Đ để thông nhất giá cả bán tràm, anh T và anh N đồng ý mua 02 vườn tràm trên với giá là 45.000.000 đồng nhưng Đ không đồng ý.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút 04 tháng 03 năm 2021 thì Đ điện thoại cho anh N đồng ý bán vườn tràm tại ấp V xã Ph là 25.000.000 bán vườn tràm tại xã V là 20.000.000 đồng, Đ bán vườn tràm ở Ph trước, rồi sau đó mới bán tiếp vườn tràm tại xã V. Anh N đưa cho H số tiền là 15.000.000 đồng. Đến ngày 06 tháng 3 năm 2021 anh N tiếp tục đồng ý đưa cho H 10.000.000đ nữa cả hai lần H đều viết giấy giao nhận tiền. Số tiền này H đưa cho Đ, Đ cho L 2.000.000 đồng, số tiền còn lại Đ tiêu sài cá nhân. Cùng ngày anh T và anh N thuê 03 người không rõ họ tên nhân thân, L lịch đến cắt tràm tại ấp V, xã Ph, huyện N.

Ngày 07 và ngày 08 tháng 3 năm 2021 anh N và anh T tiếp tục thuê người đến cưa tràm và thuê 02 xe ô tô tải để cẩu và chở tràm về tại đất trống tại khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Đến 9 tháng 3 năm 2021 anh N và anh T tiếp tục cưa tràm và chở về địa chỉ trên. Khi thợ đang cưa tràm, Đ nghĩ anh N và anh T mua số tràm trên rẻ so với thị trường nên Đ nói dối là anh N và Anh T cưa quá sang phần tràm của người khác nên Đ yêu cầu anh N đưa thêm 10.000.000 đồng. Sau đó anh N đến nhà của Đ đưa cho Đ 10.000.000 đồng, để N được tiếp tục cưa số tràm còn lại.

Đến chiều ngày 10 ngày 3 năm 2021 anh T cho cưa xong số tràm và tiếp tục thuê Nguyễn Tuấn Th cẩu tràm lên xe ô tô tải thì bị chủ đất là ông Nguyễn Văn L phát hiện trình báo Công an xã Phlập hồ sơ ban đầu chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N giải quyết theo thẩm quyền.

Trong vụ án này Lê Diệp H có hành vi cùng Đ bán vườn tràm nhưng H không bàn bạc với Đ và tin tưởng là vườn tràm của Đ nên đã cùng Đ bán vườn tràm trên. Do đó hành vi của H chưa đủ căn cứ để khởi tố đối với H với vai trò đồng phạm, Cơ quan cảnh sát điều Công an huyện N tách ra, tiếp tục xác minh xử lý sau.

Đối với L đi cùng với H chưa rõ nhân thân L lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thành N và Phạm Văn T sau khi sự việc xảy ra thì mới biết vườn tràm mà Đ bán không phải là tài sản của Đ mà là của ông Nguyễn Văn L nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý.

Tại bản cáo trạng số 136/CT-VKS-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Huỳnh Tấn Đvề tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Về biện pháp tư pháp: Tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng Huỳnh Tấn Đtự nguyện giao nộp đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Tòa án tuyên buộc bị cáo phải bồi thường tiền cho bị hại Nguyễn Văn L theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung 2017) xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn Đdưới mức thấp nhất của khung hình phạt từ 18 tháng đến 22 tháng tù.

- Bị hại ông Nguyễn Văn L trình bày: Thống nhất với bản cáo trạng và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo Huỳnh Tấn Đvề tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông L số tiền là 50.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi ích nghĩa vụ liên quan ông H trình bày: Thống nhất với bản cáo trạng và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo Huỳnh Tấn Đvà không tranh luận gì thêm.

- Bị cáo Huỳnh Tấn Đ không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung tại Cáo trạng đã nêu và đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng. Bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cơ quan truy tố; Hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi ích nghĩa vụ liên quan ông T và ông N vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên đã có lời khai trong hồ sơ nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 xét xử vắng mặt ông T và ông N.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Tại cơ quan điều tra cũng như qua thẩm tra xét hỏi tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại và người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu được, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đúng như hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo ra trước tòa, cho thấy bị cáo đã có hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng cuối tháng 02 năm 2021 đến ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại vườn tràm thuộc ấp V, xã Ph, huyện N, tỉnh Đồng Nai, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại, Huỳnh Tấn Đ đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 215 đoạn gỗ Tràm, tổng trị giá 80.657.261 đồng của ông Nguyễn Văn L thì bị phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định hành vi của bị cáo Huỳnh Tấn Đ đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét về tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Bản thân bị cáo người có đủ năng lực hành vi dân sự, hiểu rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì xem thường pháp luật bị cáo vẫn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần phải xử phạt một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả và tự đầu thú là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét trách nhiệm hình cho bị cáo.

Mặc khác, xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là Lao động chính duy nhất đang nuôi dưỡng cha mẹ già và con nhỏ bị bệnh động kinh phải nghỉ học ở nhà không có người trông nom được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo thật sự ăn năn hối cải và có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn Đ dưới mức thấp nhất của khung hình để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[4] Về biện pháp tư pháp: Trong quá trình điều tra và chuẩn bị xét xử bị hại ông Nguyễn Văn L yêu cầu bị cáo Huỳnh Tấn Đ bồi thường số tiền 50.000.000 đồng là giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa bị cáo Đ đồng ý bồi thường cho ông L. Do đó cần buộc bị cáo Huỳnh Tấn Đ phải bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Văn L số tiền là 50.000.000 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Tấn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, Thời hạn tù tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2022.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Huỳnh Tấn Đ phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn L số tiền 50.000.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng của bị cáo Huỳnh Tấn Đ để đảm bảo thi hành án theo Biên L thu tiền số 0001918 ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày bị hại Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Huỳnh Tấn Đ chậm thi hành án đối với khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Huỳnh Tấn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi ích nghĩa vụ liên quan ông H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi ích nghĩa vụ liên quan ông T và ông N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hai; người có quyền lợi ích nghĩa vụ liên quan;
- VKSND tỉnh; VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Công an huyện N;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Tiến Trung